

Bản án số : 179 /2017/HNST.

Ngày 15 /9/2017.

Về việc: “ Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Tám** .

+ Ông **Đỗ Duy Hùng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày 15/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2017 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Quách Thị C**, sinh năm 1973.(Có mặt)

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1979.(Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Quách Văn T**, sinh năm 1969. (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Quý tín dụng nhân dân A**(có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Quách Thị C trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau vào năm 1999, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C vào ngày 29/02/2000, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh B không lo làm ăn, hay tụ tập ăn nhậu, không lo cho vợ con và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị có khuyên can nhiều lần nhưng không được do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân nhau từ ngày 30/4/2017 đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh B có một con chung là cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 16/9/2000. Hiện đang sống với chị.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Nợ Quỹ tín dụng nhân dân A số tiền 48.000.000 đồng và nợ ông Quách Văn T số tiền 20.000.000 đồng.

Nay chị C khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B .

- Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, Nợ chung: Tự giải quyết không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh B vắng mặt nhưng anh đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị C.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Quách Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 27/6/2017 ông T trình bày về phần nợ của chị C và anh B để các bên thỏa thuận ông không khởi kiện, nếu thỏa thuận không được thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

- Quỹ tín dụng nhân dân A có đơn xin giải quyết vắng mặt theo văn bản số 10/2017 ngày 23/5/2017 Quỹ tín dụng nhân dân A trình bày: vào ngày 21/12/2016 Quỹ tín dụng nhân dân A có cho chị C vay số tiền 48.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 998/HĐTD và chị C có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00641/BM315179, thửa số 240 với diện tích 3.046 m² , nay chị C xin ly hôn với anh B Quỹ tín dụng nhân dân A không khởi kiện, nếu sau này có ảnh hưởng đến quyền lợi thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự Hội đồng xét xử có nhận định:

1-Xét thấy: Anh Nguyễn Văn B đã được tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh B. Ông Quách Văn T và Quỹ tín dụng nhân dân An Hữu có đơn xin vắng mặt căn cứ vào khoản 1 điều 227 và khoản 3 điều 228 bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T và Quỹ tín dụng nhân dân A.

2-Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị C và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 29/2/2000, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh B không lo làm ăn, hay tụ tập ăn nhậu, không lo cho vợ con, thiếu nợ nhiều nơi và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị có khuyên can nhiều lần nhưng không được, do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân nhau từ ngày 30/4/2017 đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cương quyết ly hôn với anh B. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa chị C với anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị C với anh B sống ly thân nhau đến nay đã hơn bốn tháng nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nên chị C xin ly hôn với anh B là có căn cứ. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C ly hôn với anh B.

Riêng anh B từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay anh đã được tổng đạt các thông báo và quyết định hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị C, điều đó cho thấy anh đã đồng ý đối với các yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị C.

3- Về con chung: Chị C yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 16/9/2000. Xét thấy vì từ khi chị C và anh B sống ly thân cho đến nay thì cháu Yên N sống với chị C đã có cuộc sống ổn định, chị C vẫn nuôi dưỡng tốt và cháu cũng có nguyện vọng sống với chị C. Căn cứ vào điều 81 và điều 82 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C. Về cấp dưỡng chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4- Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5- Ông Quách Văn T không yêu cầu chị C và anh B trả số tiền 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có yêu cầu thì ông có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác. Quỹ tín dụng nhân dân A không yêu cầu chị C và anh B trả số tiền 48.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có ảnh hưởng đến quyền lợi của Quỹ tín dụng nhân dân A thì sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

Về án phí : Chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng:

- Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51 và Điều 56, Điều 81 và điều 82 luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1- Chấp nhận cho chị Quách Thị C ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2- Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Thị Yên N, sinh ngày 16/9/2000 cho chị C nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B.

3- Tài sản chung; nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4- Án phí: Chị Quách Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 600.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 06801 và 06802 cùng ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên hoàn lại chị C 300.000 đồng.

5- Chị Quách Thị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TANDTỉnh Tiền Giang;
- VKSNĐhuyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Việt Chương

